

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm
cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Ban hành kèm theo Thông tư này Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người có bằng cử nhân hoặc sinh viên đã hoàn thành tối thiểu 70% số tín chỉ của ngành đào tạo hoặc chương trình đào tạo thuộc ngành phù hợp với môn học có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học các môn học: Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Tin học và Công nghệ, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ.

b) Người có bằng cử nhân hoặc sinh viên đã hoàn thành tối thiểu 70% số tín chỉ của ngành đào tạo hoặc chương trình đào tạo thuộc ngành phù hợp với môn học, cấp học có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở và giáo viên trung học phổ thông.

c) Các tổ chức và cá nhân liên quan có nhu cầu tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông khai giảng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng...năm 2026.

Bãi bỏ Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học và Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịchu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 4;
- Công báo;
- Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO NGƯỜI CÓ NGUYỆN
VỌNG TRỞ THÀNH GIÁO VIÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

*(Kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

1. Mục tiêu chung

Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, kỹ năng sư phạm và năng lực thực hành nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương ứng với từng cấp học và đủ điều kiện giảng dạy tại các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phẩm chất

Nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo; có lòng yêu nghề, tận tâm với công việc; tôn trọng người học, đồng nghiệp và các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục; có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, công bằng trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục; có ý thức tự học, tự bồi dưỡng và tinh thần học tập suốt đời; có thái độ tích cực trong phục vụ người học và đóng góp cho sự phát triển của nhà trường, cộng đồng.

2.2. Về năng lực

2.2.1. Năng lực dạy học

Vận dụng được mục tiêu của cấp học, mục tiêu môn học và hoạt động giáo dục; kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục, giáo dục học, lý luận dạy học, phương pháp dạy học môn học, giao tiếp sư phạm và đánh giá năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động dạy học.

Xây dựng được kế hoạch dạy học, phát triển chương trình môn học và kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

Tổ chức được hoạt động dạy học trực tiếp và trực tuyến theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; quản lý lớp học hiệu quả và xử lý phù hợp các tình huống sư phạm trong dạy học tại cơ sở giáo dục phổ thông.

Phối hợp được với các lực lượng giáo dục để thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học theo hướng trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM trong nhà trường.

Phối hợp được với gia đình học sinh và cộng đồng trong quản lý, hỗ trợ học sinh học tập và rèn luyện.

Ứng dụng được công nghệ số, phương tiện, thiết bị và đồ dùng dạy học trong thiết kế, tổ chức dạy học và quản lý, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

2.2.2. Năng lực giáo dục

Vận dụng được mục tiêu giáo dục cấp học, đặc điểm tâm lý học sinh thuộc cấp học, kiến thức về tổ chức hoạt động giáo dục, quản lý học sinh và yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực học sinh của cấp học trong tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Thiết kế và tổ chức được hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, sinh hoạt tập thể và các hoạt động xã hội để giáo dục học sinh theo yêu cầu về các phẩm chất cần đạt.

Tích hợp được các nội dung giáo dục học sinh thông qua dạy học môn học và các hoạt động khác tại trường phổ thông.

Quản lý và giáo dục toàn diện học sinh, khắc phục hoặc làm thay đổi những hành vi không mong đợi ở học sinh.

Phát hiện được những khó khăn về tâm lý ở học sinh, tư vấn, hỗ trợ được cho học sinh trong học tập và rèn luyện để phát triển nhân cách toàn diện.

2.2.3. Năng lực quan hệ xã hội và phát triển cộng đồng

Phối hợp được với cha mẹ học sinh, cộng đồng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động xã hội, quản lý và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Tư vấn hỗ trợ được cho đồng nghiệp và các lực lượng khác cùng tham gia phát triển nghề nghiệp và phát triển cộng đồng.

2.2.4. Năng lực phát triển bản thân

Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

Chủ động tự học, thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng mới để phát triển nghề nghiệp và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khối lượng kiến thức

Chương trình gồm 32 tín chỉ, được bố cục thành 02 phần:

- Phần I: Kiến thức chung (gồm 12 tín chỉ).

- Phần II: Kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm (gồm 20 tín chỉ).

2. Cấu trúc chương trình

- Khối kiến thức chung: gồm 12 tín chỉ bắt buộc

- Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm: gồm 20 tín chỉ (trong đó 16 tín chỉ bắt buộc và 04 tín chỉ tự chọn).

(01 tín chỉ tương đương 15 tiết lý thuyết; 01 tiết lý thuyết tương đương với 02 tiết thảo luận, thực hành).

Một số cụm từ viết tắt trong bảng như sau: Kiến thức chung (viết tắt là KTC), Chuyên ngành (viết tắt là CN), Tự chọn (TC), Thực tập sư phạm (TT).

2.1. Khối kiến thức chung cho các cấp học (12 tín chỉ)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
KTC 1	Tâm lí học giáo dục	3	30	30
KTC 2	Giáo dục học	3	30	30
KTC 3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	15	30
KTC 4	Giao tiếp sư phạm	2	20	20
KTC 5	Ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học	2	15	30

2.2. Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm đối với cấp học tiểu học

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
	<i>Khối kiến thức chuyên ngành cấp tiểu học bắt buộc</i>	10		
CN 1	Phương pháp dạy học phát triển năng lực ở trường tiểu học	3	30	30
CN 2	Đánh giá học sinh tiểu học	2	15	30
CN 3	Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học ở trường tiểu học	3	30	30
CN 4	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP)	2	5	50

	Khối kiến thức tự chọn cấp tiểu học (Chọn 02 học phần trong 06 các học phần tự chọn)	4		
TC 1	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp tiểu học	2	15	30
TC 2	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường tiểu học	2	15	30
TC 3	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học	2	15	30
TC 4	Phối hợp gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh cấp tiểu học	2	15	30
TC 5	Phát triển chương trình giáo dục nhà trường cấp tiểu học	2	20	20
TC 6	Quản lý hành vi của học sinh tiểu học	2	15	30
	Thực tập sư phạm	6		
TT1	Thực tập sư phạm 1	3	0	90
TT2	Thực tập sư phạm 2	3	0	90

2.3. Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm đối với cấp học THCS

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
	Khối kiến thức chuyên ngành cấp THCS	10		
CN 1	Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn [môn học]	3	30	30
CN 2	Đánh giá học sinh THCS	2	15	30
CN 3	Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học [môn học]	3	30	30
CN4	Rèn luyện NVSP	2	5	50
	Khối kiến thức tự chọn cấp THCS	4		

	<i>(Chọn 02 học phần trong 06 các học phần tự chọn)</i>			
TC 1	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THCS	2	15	30
TC 2	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường THCS	2	15	30
TC 3	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường THCS	2	15	30
TC 4	Phối hợp gia đình và cộng đồng trong giáo dục ở trường THCS	2	15	30
TC 5	Phát triển chương trình giáo dục nhà trường cấp THCS	2	15	30
TC 6	Quản lý hành vi của học sinh THCS	2	15	30
	Thực tập sư phạm	6		
TT1	Thực tập sư phạm 1	3	0	90
TT2	Thực tập sư phạm 2	3	0	90

2.4. Khối kiến thức chuyên ngành và thực tập sư phạm đối với cấp học THPT

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
	Khối kiến thức chuyên ngành cấp THPT	10		
CN 1	Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn [môn học]	3	30	30
CN 2	Đánh giá học sinh THPT	2	15	30
CN 3	Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học [môn học]	3	30	30
CN 4	Rèn luyện NVSP	2	5	50
	Khối kiến thức tự chọn cấp THPT <i>(Chọn 02 học phần trong 06 các học phần tự chọn)</i>	4		

TC 1	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THPT	2	15	30
TC 2	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường THPT	2	15	30
TC 3	Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường THPT	2	15	30
TC 4	Phối hợp gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh THPT	2	15	30
TC 5	Phát triển chương trình giáo dục nhà trường cấp THPT	2	15	30
TC 6	Quản lý hành vi của học sinh THPT	2	15	30
	Thực tập sư phạm	6		
TT2	Thực tập sư phạm 1	3	0	90
TT3	Thực tập sư phạm 2	3	0	90

3. Thời gian bồi dưỡng:

Thời gian thực hiện tối thiểu 10 tháng. Đối với những trường hợp được miễn trừ một số học phần theo quy định tại điểm d Mục V.4 thì thời gian bồi dưỡng có thể được rút ngắn tương ứng với thời gian học các học phần được miễn trừ.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA HỌC PHẦN

Phần I KHỐI KIẾN THỨC CHUNG

MÃ HỌC PHẦN: KTC1

Tên học phần: Tâm lý học giáo dục

(03 TC = 30 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Không

Mô tả học phần: Học phần Tâm lý học giáo dục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở tâm lý học giáo dục, tâm lý lứa tuổi, tâm lý học dạy học và giáo dục; kiến thức về tư vấn tâm lý và quản lý lớp học hiệu quả, trên cơ sở đó hình thành phát triển ở người học kỹ năng ứng dụng tâm lý học giáo dục trong dạy học, giáo dục và tư vấn hỗ trợ học sinh.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu và vận dụng được các tri thức về tâm lý học, tâm lý học phát triển và tâm lý học dạy học, giáo dục đạo đức trong dạy học và giáo dục và quản lý học sinh.

2. Hiểu và vận dụng tri thức được những tri thức về khó khăn tâm lý của học sinh, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện, phát triển toàn diện nhân cách.

3. Sáng tạo trong vận dụng kiến thức tâm lý học giáo dục trong giải quyết các vấn đề thực tiễn học tập, rèn luyện và giáo dục đặt ra.

Nội dung cơ bản:

1. Nhập môn tâm lý học giáo dục

- Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý người.

2. Sự phát triển tâm lý cá nhân

2.1. Các quan niệm về phát triển tâm lý cá nhân.

2.2. Cơ chế hình thành và phát triển tâm lý cá nhân.

2.3. Con đường hình thành và phát triển tâm lý cá nhân.

2.4. Quy luật phát triển tâm lý cá nhân.

2.5. Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh Tiểu học, THCS, THPT

3. Cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học

3.1. Chức năng, cấu trúc của hoạt động dạy học.

3.2. Dạy học, nhận thức và trí tuệ của học sinh; sự khác biệt cá nhân về nhận thức và trí tuệ của học sinh trong dạy học.

3.3. Dạy học và trí nhớ của học sinh; cách chống quên cho học sinh.

4. Cơ sở tâm lý học của hoạt động học tập

4.1. Đặc điểm, cấu trúc của hoạt động học tập; mô hình, quy luật học tập;

4.2. Hình thành động cơ, hứng thú, mục đích và hành động học của học sinh.

5. Cơ sở tâm lý học của quản lý lớp học

5.1. Lớp học và quản lý lớp học; xây dựng môi trường học tập tích cực.

5.2. Xây dựng tập thể học sinh; Trách nhiệm của học sinh đối với quản lý lớp học.

6. Cơ sở tâm lý học của giáo dục đạo đức, giá trị sống và nhân cách

6.1. Cấu trúc tâm lý, các thuộc tính của nhân cách; sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách.

6.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức; sự hình thành hành vi và thói quen đạo đức của học sinh.

7. Hỗ trợ tâm lý cho học sinh trong nhà trường

7.1. Bản chất, vai trò và ý nghĩa của hoạt động hỗ trợ tâm lý; Nguyên tắc và phương pháp, kỹ thuật hỗ trợ tâm lý, khó khăn tâm lý của học sinh.

7.2. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong quá trình hỗ trợ tâm lý cho học sinh.

MÃ HỌC PHẦN: KTC2

Tên học phần: Giáo dục học

(03 TC = 30 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Tâm lý học giáo dục

Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, lý luận dạy học và lý luận giáo dục và nhân cách người giáo viên trong các nhà trường, yêu cầu đối với giáo viên trong phát triển nghề nghiệp, trên cơ sở đó phát triển cho người học các kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục và phát triển nghề nghiệp giáo viên ở trường phổ thông.

Yêu cầu cần đạt:

1. Phân tích được tính chất và chức năng của giáo dục, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học.
2. Xác định được vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách học sinh
3. Xác định được các mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông và nguyên lý giáo dục ở trường phổ thông.
4. Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học, giáo dục trong trường phổ thông.
5. Phân tích được đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên, nhiệm vụ và nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với người giáo viên.
6. Đổi mới sáng tạo trong vận dụng kiến thức giáo dục học trong dạy học, giáo dục học sinh và giải quyết các vấn đề giáo dục đặt ra.

Nội dung cơ bản

1. Những vấn đề chung của Giáo dục học
 - 1.1. Khái quát về Giáo dục học
 - 1.1.1. Sự hình thành và phát triển của Giáo dục học
 - 1.1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học
 - 1.1.3. Các khái niệm cơ bản của Giáo dục học
 - 1.2. Các tính chất của giáo dục
 - 1.2.1. Giáo dục có tính phổ biến và vĩnh hằng
 - 1.2.2. Giáo dục chịu sự quy định của xã hội
 - 1.2.3. Giáo dục mang tính lịch sử
 - 1.2.4. Giáo dục mang tính giai cấp

- 1.3. Các chức năng xã hội của giáo dục
 - 1.3.1. Chức năng kinh tế - sản xuất
 - 1.3.2. Chức năng chính trị - xã hội
 - 1.3.3. Chức năng tư tưởng - văn hoá
- 1.4. Giáo dục với sự phát triển nhân cách
 - 1.4.1. Khái niệm con người, nhân cách, sự phát triển nhân cách
 - 1.4.2. Vai trò của giáo dục với sự phát triển nhân cách
- 2. Mục tiêu, nhiệm vụ và các con đường giáo dục ở trường phổ thông
 - 2.1. Mục tiêu giáo dục cấp học và yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục
 - 2.2. Các nhiệm vụ giáo dục ở trường phổ thông
 - 2.3. Các con đường giáo dục học sinh ở trường phổ thông
 - 2.4. Nguyên lý giáo dục ở trường phổ thông
- 3. Hoạt động dạy học ở trường phổ thông
 - 3.1. Khái niệm, đặc điểm và bản chất của hoạt động dạy học ở trường phổ thông
 - 3.2. Các thành tố của quá trình dạy học ở trường phổ thông
 - 3.3. Các nguyên tắc dạy học ở trường phổ thông
 - 3.4. Các phương pháp dạy học ở trường phổ thông
 - 3.5. Các hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông
 - 3.4. Các lý thuyết học tập
 - 3.4.1. Thuyết nhận thức linh hoạt
 - 3.4.2. Thuyết kiến tạo
 - 3.4.3. Thuyết trải nghiệm
 - 3.4.4. Thuyết phát triển
 - 3.5. Các tiếp cận trong dạy học phát triển phẩm chất và năng lực
 - 3.5.1. Tiếp cận năng lực
 - 3.5.2. Tiếp cận phẩm chất
- 4. Hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông
 - 4.1. Khái niệm và cấu trúc của quá trình giáo dục
 - 4.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục
 - 4.3. Nội dung giáo dục
 - 4.4. Các nguyên tắc giáo dục

- 4.5. Phương pháp giáo dục
5. Nhân cách người giáo viên ở trường phổ thông
- 5.1. Vị trí, vai trò của người giáo viên ở trường phổ thông
- 5.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên
- 5.3. Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với người giáo viên ở trường phổ thông (Theo Luật Nhà giáo và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên)
- 5.4. Quyên, nghĩa vụ, những hành vi giáo viên không được làm (Theo Luật nhà giáo)
- 5.5. Chức năng, nhiệm vụ, nội dung công tác và phương pháp giáo dục của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông
- 5.6. Phát triển nghề nghiệp giáo viên ở trường phổ thông

MÃ HỌC PHẦN: TC3

**Tên học phần: Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
(ở trường TH/THCS/THPT)**

(02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/Thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông, các phương thức tổ chức hoạt động và cách thiết kế, tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hiệu quả.

Yêu cầu cần đạt:

1. Trình bày được đặc điểm, phương thức tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.
2. Phân tích được yêu cầu cần đạt và các mạch nội dung giáo dục trải nghiệm ở cấp tiểu học, trải nghiệm hướng nghiệp cấp THCS/THPT.
3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với cấp tiểu học; hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đối với cấp THCS/THPT.
4. Linh hoạt, sáng tạo trong phát triển chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với thực tế nhà trường, học sinh.

Nội dung cơ bản:

1. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông
 - 1.1. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm hướng nghiệp.
 - 1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học, trải nghiệm hướng nghiệp ở cấp THCS/THPT.
 - 1.3. Nội dung hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông
 - 1.3.1. Mạch nội dung hoạt động hướng vào bản thân;
 - 1.3.2. Mạch nội dung hoạt động hướng đến xã hội;
 - 1.3.3. Mạch nội dung hoạt động hướng đến tự nhiên;
 - 1.3.4. Mạch nội dung hoạt động hướng nghiệp.
2. Phương thức tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
 - 2.1. Phương thức tổ chức hoạt động
 - 2.1.1. Phương thức khám phá;
 - 2.1.2. Phương thức thể nghiệm, tương tác;
 - 2.1.3. Phương thức công hiến;
 - 2.1.4. Phương thức nghiên cứu.
 - 2.2. Đánh giá quá trình và kết quả giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp.
3. Thiết kế Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
 - 3.1. Yêu cầu chung khi thiết kế HĐTN- HĐTN, HN
 - 3.2. Quy trình thiết kế chủ đề HĐTN – HĐTN, HN
4. Tổ chức các loại hình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông
 - 4.1. Loại hình sinh hoạt dưới cờ
 - 4.2. Loại hình sinh hoạt lớp
 - 4.3. Hoạt động định kì (Đi tham quan)
 - 4.4. Hoạt động trải nghiệm thường xuyên (theo chủ đề)
 - 4.5. Hoạt động Câu lạc bộ.

MÃ HỌC PHẦN: KTC4

Tên học phần: Giao tiếp sư phạm

(02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Tâm lý học giáo dục

Mô tả học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm như đặc điểm, quy trình, đối tượng, nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm của người giáo viên, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

Yêu cầu cần đạt:

1. Phân tích được vai trò, chức năng, loại hình, đặc trưng và quy trình giao tiếp sư phạm
2. Phân tích được các nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm, các hình thức và phương tiện giao tiếp
3. Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp sư phạm trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục; tư vấn, hỗ trợ học sinh và giải quyết các tình huống sư phạm giữa giáo viên với học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác
4. Chủ động, linh hoạt rèn luyện, vận dụng kỹ năng giao tiếp trong xử lý các mối quan hệ ở trường phổ thông

Nội dung cơ bản:

1. Khái quát chung về giao tiếp sư phạm
 - 1.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 1.2. Đặc trưng của giao tiếp sư phạm
 - 1.3. Vị trí, vai trò của giao tiếp sư phạm
 - 1.4. Quy trình và phương tiện giao tiếp sư phạm
2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm
 - 2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mô phạm trong giao tiếp
 - 2.2. Nguyên tắc tôn trọng nhân cách đối tượng giao tiếp
 - 2.3. Nguyên tắc thiện chí trong giao tiếp
 - 2.4. Nguyên tắc đồng cảm trong giao tiếp
3. Quy tắc ứng xử trong giao tiếp sư phạm
 - 3.1. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên
 - 3.2. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh
 - 3.3. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa học sinh với học sinh
 - 3.4. Quy tắc ứng xử trong mối quan hệ giữa giáo viên với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường
4. Phong cách giao tiếp sư phạm
 - 4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp sư phạm
 - 4.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm
 - 4.2.1. Phong cách độc đoán
 - 4.2.2. Phong cách dân chủ
 - 4.2.3. Phong cách tự do
5. Thực hành rèn luyện kỹ năng giao tiếp sư phạm và xử lý tình huống trong giáo dục

MÃ HỌC PHẦN: KTC5

Tên học phần: Ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học
(bắt buộc, 2 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, phương tiện và đồ dùng dạy học, nguyên tắc khai thác, sử dụng dụng công nghệ thông tin, đồ dùng và các phương tiện dạy học trong tổ chức dạy học, giáo dục, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó phát triển các kỹ năng khai thác, sử dụng công nghệ thông tin, đồ dùng và thiết bị dạy học cho người học trong tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục ở trường phổ thông.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu và vận dụng được CNTT, phương tiện và đồ dùng dạy học trong việc đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục
2. Quán triệt được nguyên tắc lựa chọn và sử dụng công nghệ thông tin (CNTT), phương tiện và đồ dùng dạy học trong tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.
3. Khai thác và sử dụng được các phần mềm, công cụ CNTT hỗ trợ thiết kế bài giảng, học liệu số và tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục.
4. Đảm bảo tính an toàn, hợp lý và sáng tạo khi kết hợp các phương tiện dạy học với công nghệ trong lớp học.

Nội dung cơ bản:

1. Tổng quan về CNTT và phương tiện, đồ dùng dạy học
 - 1.1. Khái niệm, vai trò và xu hướng ứng dụng CNTT và phương tiện, đồ dùng dạy học trong đổi mới phương pháp giáo dục.
 - 1.2. Tác động của CNTT đến phương pháp dạy học tích cực và phát triển năng lực học sinh.
2. Nguyên tắc và quy trình sử dụng CNTT, phương tiện và đồ dùng dạy học
 - 2.1. Các nguyên tắc sư phạm khi lựa chọn và sử dụng công nghệ, thiết bị, học cụ.
 - 2.2. Quy trình thiết kế, chuẩn bị, triển khai bài dạy có ứng dụng CNTT và học cụ.
3. Ứng dụng phần mềm và công cụ CNTT trong dạy học
 - 3.1. Thiết kế bài giảng bằng các công cụ trình chiếu, e-learning, phần mềm hỗ trợ (PowerPoint, Canva, iSpring, ClassPoint, v.v.).

3.2 Ứng dụng các nền tảng học trực tuyến và công cụ tương tác (Google Classroom, Quizizz, Kahoot, Padlet...).

3.3. Thực hành tạo bài giảng và học liệu số theo chủ đề.

4. Khai thác và bảo quản phương tiện, đồ dùng dạy học

4.1 Cách sử dụng hiệu quả thiết bị công nghệ như máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị thí nghiệm số.

4.2. Bảo quản, bảo dưỡng đồ dùng và phương tiện để đảm bảo an toàn và tuổi thọ.

5. Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp CNTT

5.1. Nguyên tắc tích hợp CNTT và đồ dùng trực quan trong bài dạy.

5.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy có ứng dụng công nghệ và phương tiện.

Phần II
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

1. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc

MÃ HỌC PHẦN: CN1

**Tên học phần: Phương pháp dạy học phát triển năng lực
môn [tên môn học] ở trường TH/THCS/ THPT**

(lựa chọn theo môn học, 03 TC = 30 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học

Mô tả môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức về dạy học phát triển năng lực, các phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển năng lực học sinh trên cơ sở đó rèn luyện kỹ năng vận dụng, phối hợp các phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học trong dạy học môn học ở trường TH/THCS/ THPT.

Yêu cầu cần đạt:

Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể:

1. Hiểu, vận dụng được bản chất của dạy học phát triển năng lực, đặc điểm, tiến trình, ưu nhược điểm của các phương pháp dạy học phát triển năng lực trong dạy học bộ môn ở trường TH/THCS/THPT
2. Hiểu và vận dụng được một số kỹ thuật dạy học tích cực (kỹ thuật công não, KWL, mảnh ghép, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy, đặt câu hỏi, 321) trong dạy học.
3. Phân tích, đánh giá được các phương pháp dạy học tích cực trong phát triển phẩm chất và năng lực học sinh trong môn [Tên môn học].
4. Chủ động, sáng tạo trong lựa chọn, vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn học phù hợp với trình độ người học, năng lực bản thân và điều kiện dạy học.

Nội dung cơ bản:

1. Dạy học phát triển năng lực
 - 1.1. Bản chất và yêu cầu của dạy học phát triển năng lực.
 - 1.2. So sánh giữa dạy học phát triển năng lực và dạy học định hướng nội dung.
 - 1.3. Vai trò của người giáo viên trong thiết kế hoạt động dạy học phát triển năng lực.
2. Một số phương pháp dạy học phát triển năng lực ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.1. Dạy học khám phá (inquiry-based learning).
 - 2.2. Dạy học hợp tác (cooperative learning).
 - 2.3. Dạy học giải quyết vấn đề.
 - 2.4. Dạy học theo dự án.

- 2.5. Dạy học theo góc / trạm.
- 2.6. Dạy học phân hóa
- 3. Một số kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học ở trường TH/THCS/THPT
 - 3.1. Kĩ thuật động não (brainstorming).
 - 3.2. Kĩ thuật KWL (biết – muốn biết – đã học).
 - 3.3. Kĩ thuật mảnh ghép (jigsaw).
 - 3.4. Kĩ thuật khăn trải bàn.
 - 3.5. Kĩ thuật đặt câu hỏi.
 - 3.6. Kĩ thuật sơ đồ tư duy (mindmap).
 - 3.7. Kĩ thuật “3-2-1” (3 điều học được, 2 điều thú vị, 1 câu hỏi còn lại).
- 4. Vận dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học trong môn [Tên môn học]
 - 4.1. Phân tích các yêu cầu cần đạt, đặc điểm nội dung của môn [Tên môn học].
 - 4.2. Phân tích sự phù hợp của các phương pháp dạy học với các năng lực cần hình thành và phát triển cho học sinh trong môn [Tên môn học].
 - 4.3. Thiết kế một số hoạt động dạy học cụ thể sử dụng phương pháp và kĩ thuật đã học trong môn [Tên môn học] đáp ứng yêu cầu cần đạt và mục tiêu cụ thể.
 - 4.4. Yêu cầu đối với giáo viên trong vận dụng, phối hợp các phương pháp dạy học và quản lý học sinh trong học tập.

MÃ HỌC PHẦN: CN2

Tên học phần: Đánh giá học sinh Tiểu học/ Trung học cơ sở/Trung học phổ thông

(02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh ở trường TH/THCS/THPT: Vai trò, chức năng và yêu cầu đối với đánh giá năng lực; các nguyên tắc và quy trình đánh giá năng lực; các phương pháp, hình thức và công cụ đánh giá trên cơ sở đó phát triển ở người học các kỹ năng thiết kế công cụ, vận dụng phối hợp các phương pháp để thực hiện quy trình đánh giá năng lực hiệu quả, sát thực.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu được vai trò, chức năng và yêu cầu của kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học/THCS/THPT.
2. Thực hiện được quy trình, phương pháp đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học/THCS/THPT

3. Thiết kế được nội dung, tiêu chí và công cụ đánh giá trong trong bài học/chủ đề, nội dung cụ thể và lựa chọn vận dụng được các phương pháp đánh giá phù hợp với cấp TH/THCS/THPT.

4. Linh hoạt, sáng tạo trong thiết kế, vận dụng phối hợp các phương pháp đánh giá năng lực học sinh, vận dụng kết quả đánh giá để đổi mới hoạt động dạy học.

Nội dung cơ bản:

1. Những vấn đề chung về đánh giá năng lực ở trường phổ thông
 - 1.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của đánh giá năng lực trong giáo dục
 - 1.2. Những yêu cầu của đánh giá năng lực học sinh trong trường phổ thông.
 - 1.3. Nguyên tắc đánh giá đánh giá năng lực học sinh
2. Quy trình đánh giá năng lực
 - 2.1. Xác định mục tiêu, nội dung và tiêu chí đánh giá năng lực học sinh
 - 2.2. Lựa chọn phương pháp, hình thức đánh giá
 - 2.3. Thiết kế công cụ đánh giá
 - 2.4. Tổ chức thu thập thông tin và đánh giá
 - 2.5. Sử dụng kết quả đánh giá để phát triển chương trình dạy học và đổi mới dạy học
3. Hình thức, phương pháp đánh giá học sinh
 - 3.1. Hình thức đánh giá
 - 3.1.1. Đánh giá quá trình
 - 3.1.2. Đánh giá tổng kết
 - 3.2. Phương pháp đánh giá
 - 3.2.1. Phương pháp quan sát
 - 3.2.2. Phương pháp vấn đáp
 - 3.2.3. Phương pháp kiểm tra viết tự luận
 - 3.2.4. Phương pháp kiểm tra bằng trắc nghiệm
 - 3.2.5. Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập, hồ sơ học tập.
4. Các loại công cụ đánh giá
 - 4.1. Sử dụng câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, bảng kiểm, thang đo, phiếu đánh giá, rubrics.
 - 4.2. Thiết kế công cụ đánh giá theo yêu cầu cần đạt và định hướng phát triển năng lực học sinh.
5. Thực hành thiết kế kế hoạch và công cụ đánh giá trong dạy học môn học
 - Phân tích yêu cầu cần đạt và nội dung bài học/chủ đề cụ thể để xác định mục tiêu đánh giá phù hợp.

- Thiết kế kế hoạch đánh giá trong bài học/chủ đề cụ thể và thiết công cụ đánh giá theo kế hoạch.

MÃ HỌC PHẦN: CN3

Tên học phần: Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] ở trường TH/THCS/ THPT
(lựa chọn theo môn học, 03 TC = 30 tiết lý thuyết; 30 tiết thảo luận/Thực hành)

Học phần đã học:

- Đánh giá học sinh Tiểu học/ Trung học cơ sở/Trung học phổ thông
- Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn [tên môn học] ở trường phổ thông.

Mô tả học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xây dựng kế hoạch dạy học ở trường TH/THCS/THPT: Căn cứ pháp lý, quy trình và yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch, các loại kế hoạch dạy học, giáo dục; cách thức xây dựng kế hoạch dạy học năm học và xây dựng kế hoạch bài dạy, tiêu chí nội dung đánh giá kế hoạch bài dạy. Trên cơ sở đó phát triển ở người học các kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy phù hợp với nội dung chương trình môn học, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở trường phổ thông.

Yêu cầu cần đạt:

1. Trình bày được căn cứ, cách xây dựng và xây dựng được kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục môn [Tên môn học] ở trường TH/THCS/THPT;.
2. Trình bày được cấu trúc và xây dựng được kế hoạch bài dạy trong môn [Tên môn học]/chuyên đề học tập lựa chọn theo mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh TH/THCS/THPT.
3. Phân tích, đánh giá kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục môn học ở trường TH/THCS/THPT, kế hoạch bài dạy môn [Tên môn học].
4. Chủ động phối hợp với đồng nghiệp trong đổi mới xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Nội dung cơ bản:

1. Căn cứ và quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục môn [Tên môn học] ở trường TH/THCS/THPT
 - 1.1. Căn cứ pháp lý và thực tiễn xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục môn học.
 - 1.2. Các loại kế hoạch trong môn học: kế hoạch năm học, kế hoạch bài dạy, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục.

1.3. Quy trình, yêu cầu xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục môn học.

2. Xây dựng kế hoạch dạy học theo năm học

2.1. Vai trò của tổ chuyên môn, giáo viên trong xây dựng kế hoạch dạy học năm học

2.2. Xây dựng kế hoạch dạy học môn học phát triển năng lực học sinh

2.3. Xây dựng các chủ đề dạy học tích hợp liên môn, dạy học theo hướng trải nghiệm và dạy học theo Giáo dục STEM.

3. Thiết kế kế hoạch bài dạy trong môn [Tên môn học]

3.1. Cấu trúc kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

3.2. Xác định mục tiêu, nội dung dạy học chủ đề/bài học.

3.3. Lựa chọn hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học, phương tiện dạy học trong chủ đề/bài học.

3.4. Xây dựng tiến trình dạy học, đánh giá chủ đề/bài học (chuỗi hoạt động học); xây dựng nội dung các hoạt động học, học liệu và công cụ kiểm tra, đánh giá trong chủ đề/bài học.

4. Phân tích, đánh giá và góp ý kế hoạch dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục môn học và kế hoạch bài dạy môn học

4.1. Phân tích và góp ý kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục môn [Tên môn học].

4.2. Tiêu chí đánh giá kế hoạch bài dạy môn [Tên môn học].

4.3. Phân tích và góp ý kế hoạch bài dạy môn [Tên môn học] và điều chỉnh kế hoạch bài dạy.

MÃ HỌC PHẦN: CN4

Tên học phần: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở trường TH/THCS/ THPT

(bắt buộc, 02 TC = 5 tiết lý thuyết + 50 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Không

Mô tả học phần: Học phần hướng dẫn người học những kỹ năng cơ bản về thiết kế và tổ chức dạy học hiệu quả phù hợp với đối tượng học sinh cấp TH/THCS/THPT: Thiết kế bài dạy trực tiếp và trực tuyến, vận dụng phối hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học, các kỹ năng trình bày bảng, thuyết trình, quản lý lớp học ... trong tổ chức dạy học và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu dạy học, giáo dục học sinh.

Yêu cầu cần đạt:

1. Thực hành thiết kế được bài dạy trực tiếp và trực tuyến phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong chương trình giáo dục môn học ở trường phổ thông

2. Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật dạy học trên lớp học trực tiếp và lớp học ảo ở trường TH/THCS/THPT.

3. Rèn được kỹ năng sư phạm cốt lõi và hiện đại: sử dụng ngôn ngữ sư phạm hiệu quả, thuyết trình chuyên nghiệp, quản lý lớp học chủ động, ứng xử sư phạm linh hoạt; trình bày bảng truyền thông và kết hợp số

3. Thái độ: trách nhiệm, tự tin, thân thiện, chuyên nghiệp trong phong cách sư phạm

Nội dung cơ bản:

1. Rèn luyện các kỹ năng thiết kế, tổ chức bài dạy, sử dụng các công cụ công nghệ thông tin và phương tiện số hiện đại trong dạy học và giáo dục

1.1. Thực hành xây dựng bài dạy trên lớp học trực tiếp và lớp học ảo (Thiết kế bài trình chiếu chuyên nghiệp trên Canva, PowerPoint, Google Slides...)

1.2. Tạo và quản lý lớp học trực tuyến/hỗn hợp (blended learning) trên nền tảng Google Classroom, LMS (Moodle), Microsoft Teams...

1.3. Thiết kế công cụ đánh giá học sinh bằng Google Form, Quizizz, Padlet...

1.4. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo sinh tạo (Generative AI) trong giáo dục

- Kỹ năng thiết kế câu lệnh sư phạm (Prompt Engineering);

- Ứng dụng AI trong phân tích, đánh giá học sinh;

- Các nguyên tắc đạo đức, bảo mật thông tin và giới hạn khi sử dụng trí tuệ nhân tạo.

2. Rèn luyện các kỹ năng sư phạm cốt lõi và hiện đại

2.1. Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong dạy học và kỹ năng thuyết trình

2.2. Rèn luyện kỹ năng trình bày bài giảng kết hợp với sử dụng trình chiếu bài giảng điện tử

2.3. Rèn kỹ năng đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, kết thúc vấn đề

(Kỹ năng mở bài hấp dẫn, dẫn dắt tự nhiên, kết thúc mạch lạc).

2.4. Thực hành giao tiếp phi ngôn ngữ: ánh mắt, nụ cười, cử chỉ – điều bộ phù hợp với nội dung giảng dạy.

2.5. Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động nhóm, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (trong đó bắt buộc thực hành thiết kế, tổ chức một chủ đề/hoạt động trải nghiệm theo hướng Giáo dục STEM).

2.6. Rèn luyện kỹ năng quản lý lớp học chủ động: điều chỉnh hành vi học sinh, giải quyết tình huống sư phạm linh hoạt, hiệu quả

2. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn

MÃ HỌC PHẦN: TC1

Tên học phần: Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THCS/THPT: Vai trò, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và các phương pháp nghiên cứu; quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và cách thức tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, trên cơ sở đó phát triển ở người học kỹ năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu được ý nghĩa, vai trò của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường phổ thông.

2. Phân biệt được hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với hoạt động viết sáng kiến kinh nghiệm, hoạt động nghiên cứu bài học của giáo viên; phân tích được quy trình, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

3. Đề xuất được vấn đề nghiên cứu và xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

4. Tích cực, chủ động trong phát hiện vấn đề và tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để đổi mới, sáng tạo trong giáo dục.

Nội dung cơ bản:

1. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

1.1. Ý nghĩa, vai trò của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

1.2. So sánh nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với các lĩnh vực nghiên cứu khác của khoa học giáo dục.

1.3. Khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

1.4. Các phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

2. Quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

2.1. Tìm hiểu thực trạng, xác định chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết; lựa chọn thiết kế nghiên cứu (nghiên cứu tác động).

2.2. Thiết kế và thực hiện tác động; thiết kế và sử dụng công cụ thu thập dữ liệu; kiểm chứng độ tin cậy và độ giá trị của dữ liệu; phân tích dữ liệu, kết quả nghiên cứu.

2.3. Khung báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường phổ thông

3.1. So sánh nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với viết sáng kiến kinh nghiệm và nghiên cứu bài học ở trường phổ thông.

3.2. Các khó khăn khi nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường phổ thông.

3.3. Các hướng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường phổ thông.

3.4. Tổ chức, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

3.5. Vận dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong dạy học và giáo dục học sinh.

4. Thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

MÃ HỌC PHẦN: TC2

Tên học phần:

Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường TH/THCS/ THPT

(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục STEM ở trường TH/THCS/THPT: Bản chất, vai trò của giáo dục STEM; quy trình và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục STEM; cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ đề, kế hoạch bài dạy, hoạt động giáo dục STEM và đánh giá kết quả hoạt động. Trên cơ sở đó phát triển ở người học kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ đề, bài dạy, hoạt động giáo dục STEM ở trường phổ thông và đánh giá kết quả hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu được bản chất của giáo dục STEM, các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường phổ thông
2. Phân tích được quy trình xây dựng chủ đề giáo dục STEM ở trường phổ thông.
3. Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch bài dạy STEM; kế hoạch hoạt động giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở trường phổ thông và đánh giá kết quả hoạt động.
4. Chủ động, sáng tạo trong xây dựng chủ đề, kế hoạch giáo dục STEM ở trường phổ thông để nâng cao chất lượng giáo dục.

Nội dung cơ bản:

1. Một số vấn đề cơ bản về giáo dục STEM trong trường phổ thông
 - 1.1. Khái niệm, bản chất, vai trò của giáo dục STEM trong dạy học phát triển năng lực học sinh
 - 1.2. Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục STEM.
 - 1.3. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông.
2. Xây dựng chủ đề giáo dục STEM trong trường phổ thông
 - 2.1. Nguyên tắc và định hướng xây dựng chủ đề giáo dục STEM
 - 2.2. Quy trình xây dựng chủ đề giáo dục STEM

3. Xây dựng giáo dục STEM trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường ở trường phổ thông

3.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng giáo dục STEM

3.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng giáo dục STEM

3.3. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở trường phổ thông

4. Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục STEM ở trường phổ thông

4.1. Quy trình tổ chức hoạt động STEM ở trường phổ thông

4.2. Nội dung, phương pháp và công cụ đánh giá hoạt động giáo dục STEM ở trường phổ thông

MÃ HỌC PHẦN: TC3

Tên học phần:

Hoạt động giáo dục ở trường TH/THCS/ THPT

(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/ thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hoạt động giáo dục ở trường TH/THCS/THPT: Sinh hoạt tập thể, hoạt động Đội, hoạt động Đoàn; hoạt động xã hội và hoạt động truyền thông trong trường học trên cơ sở đó phát triển ở người học các kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh ở trường phổ thông.

Yêu cầu cần đạt:

1. Phân tích được vai trò, ý nghĩa và nội dung, hình thức sinh hoạt tập thể ở trường TH/THCS/THPT và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong tổ chức sinh hoạt lớp.

2. Đánh giá được vai trò, ý nghĩa và nội dung, hình thức hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH/THCS/THPT và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, Tổng phụ trách Đội, cán bộ Đoàn trong tổ chức hoạt động.

3. Phân tích được vai trò, ý nghĩa và nội dung, hình thức của hoạt động xã hội, hoạt động truyền thông ở trường TH/THCS/THPT và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động.

4. Đổi mới, sáng tạo trong thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Nội dung cơ bản:

1. Hoạt động sinh hoạt tập thể ở trường TH/THCS/THPT

1.1. Vai trò và ý nghĩa của sinh hoạt tập thể ở trường TH/THCS/THPT

- 1.2. Các nội dung sinh hoạt tập thể ở trường phổ thông
- 1.3. Cách thức triển khai hoạt động sinh hoạt tập thể ở trường TH/THCS/THPT
- 1.4. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức hoạt động sinh hoạt tập thể ở trường TH/THCS/THPT
2. Hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.1. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH /THCS/THPT
 - 2.2. Các nội dung của hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.3. Cách thức triển khai hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.4. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Bí thư Đoàn trường trong tổ chức hoạt động Đội, hoạt động Đoàn ở trường TH/THCS/THPT
3. Hoạt động xã hội ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.1. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động xã hội ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.2. Các hình thức, nội dung của hoạt động xã hội ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.3. Cách thức triển khai hoạt động xã hội ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.4. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động xã hội ở trường TH/THCS/THPT
4. Hoạt động truyền thông ở trường TH/THCS/THPT
 - 4.1. Mục tiêu, ý nghĩa của hoạt động truyền thông
 - 4.2. Nội dung của hoạt động truyền thông
 - 4.3. Các hình thức tổ chức hoạt động truyền thông
 - 4.4. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm và các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động truyền thông

MÃ HỌC PHẦN: TC4

Tên học phần:

Phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh
(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh ở trường TH/THCS/THPT: Vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh; nguyên tắc, nội dung và các hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh. Trên cơ sở đó phát triển ở người học các kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

Yêu cầu cần đạt:

1. Trình bày được ý nghĩa của việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

2. Phân tích được các hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

3. Thiết kế được hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh.

Nội dung cơ bản:

1. Tầm quan trọng của phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

1.1. Vai trò của gia đình trong giáo dục học sinh

1.2. Vai trò của cộng đồng trong giáo dục học sinh

1.3. Vai trò của nhà trường trong giáo dục học sinh

1.4. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

1.4.1. Mục tiêu

1.4.2. Ý nghĩa

2. Các nguyên tắc và nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

2.1. Các nguyên tắc phối hợp

2.2. Nội dung phối hợp

2.2.1. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong tổ chức dạy học

2.2.2. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục đạo đức cho học sinh

2.2.3. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong phát triển môi trường giáo dục và quản lý học sinh

3. Các hình thức phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

3.1. Hình thức tổ chức họp phụ huynh định kỳ

3.2. Hình thức tổ chức hội nghị trao đổi giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

3.3. Hình thức trao đổi thông tin qua điện thoại, mail

3.4. Tổ chức gặp trực tiếp để trao đổi

3.5. Lập sổ liên kết điện tử giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng để trao đổi thông tin.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

4.1. Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

4.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh

4.3. Đánh giá kết quả thực hiện

MÃ HỌC PHẦN: TC5

Tên học phần: Phát triển chương trình giáo dục nhà trường
(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT: Vai trò, cách tiếp cận và các cấp độ phát triển chương trình giáo dục nhà trường, đánh giá chương trình giáo dục nhà trường và chương trình môn học. Trên cơ sở đó hình thành phát triển ở người học kỹ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường và chương trình dạy học, kế hoạch bài dạy phù hợp với địa phương, nhà trường và năng lực người học.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục nhà trường: Vai trò, cách tiếp cận và các cấp độ phát triển chương trình giáo dục nhà trường, đánh giá kết quả thực hiện phát triển chương trình giáo dục nhà trường và chương trình môn học;

2. Thực hiện được quy trình phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy và chủ đề giáo dục.

3. Chủ động, sáng tạo phối hợp với đồng nghiệp trong phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy và chủ đề giáo dục.

Nội dung cơ bản:

1. Những vấn đề cơ bản về phát triển chương trình giáo dục nhà trường

1.1. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục nhà trường

1.2. Vai trò của phát triển chương trình giáo dục nhà trường

1.3. Các cách tiếp cận phát triển chương trình giáo dục nhà trường

1.3.1. Tiếp cận mục tiêu

1.3.2. Tiếp cận nội dung

1.3.3. Tiếp cận năng lực

1.4. Các cấp độ phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT

- 1.4.1. Phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT
- 1.4.2. Phát triển kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp
- 1.4.3. Phát triển kế hoạch bài dạy và chủ đề hoạt động giáo dục
- 1.5. Đánh giá chương trình giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT
 - 1.5.1. Mục tiêu của đánh giá
 - 1.5.2. Nội dung đánh giá
 - 1.5.3. Phương pháp đánh giá
 - 1.5.4. Sử dụng kết quả đánh giá
- 2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.1. Phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường ở trường TH/THCS/THPT
 - 2.1.1. Bổ sung cập nhật các chủ đề dạy học, giáo dục theo hướng cập nhật kiến thức, kỹ năng
 - 2.1.2. Tổ chức đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục trong các môn học và hoạt động giáo dục
 - 2.1.3. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục và cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục
 - 2.2. Phát triển kế hoạch dạy học, giáo dục
 - 2.2.2. Bổ sung cập nhật các nội dung kiến thức mới cho môn học, bài học
 - 2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học tích cực hóa hoạt động học sinh theo hướng kiến tạo tri thức mới
 - 2.2.4. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch dạy học và cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

MÃ HỌC PHẦN: TC6

Tên học phần: Quản lý hành vi của học sinh

(tự chọn, 02 TC = 15 tiết lý thuyết + 30 tiết thảo luận/thực hành)

Học phần đã học: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học

Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý học sinh ở trường TH/THCS/THPT, : Ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung và chiến lược quản lý học sinh, các biện pháp quản lý học sinh ở trường phổ thông, các phương pháp, hình thức khen thưởng và kỷ luật tích cực đối với học sinh ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó hình thành phát triển ở người học các kỹ năng quản lý học sinh hiệu quả.

Yêu cầu cần đạt:

1. Hiểu ý nghĩa và các nguyên tắc quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
2. Mô tả được các chiến lược, biện pháp quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
3. Phân tích được các hình thức khen thưởng và kỷ luật tích cực đối với học sinh tiểu học/THCS/THPT
4. Đổi mới sáng tạo trong tổ chức thực hiện hoạt động quản lý hành vi của học sinh nhằm phát huy vai trò tự quản của học sinh ở trường TH/THCS/THPT

Nội dung cơ bản:

1. Khái niệm và ý nghĩa của hoạt động quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 - 1.1. Khái niệm quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 - 1.2. Ý nghĩa của hoạt động quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 2. Nguyên tắc quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 - 2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính giáo dục đối với học sinh TH/THCS/THPT
 - 2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển đối với học sinh TH/THCS/THPT
 - 2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp trong giao tiếp với học sinh TH/THCS/THPT
 3. Nội dung, chiến lược, biện pháp quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 - 3.1. Nội dung quản lý học sinh
 - 3.2. Chiến lược quản lý hành vi của học sinh
 - 3.3. Biện pháp quản lý hành vi của học sinh
 4. Khen thưởng và kỷ luật tích cực trong quản lý hành vi của học sinh TH/THCS/THPT
 - 4.1. Khen thưởng tích cực trong quản lý hành vi của học sinh
 - 4.2. Kỷ luật tích cực trong quản lý hành vi của học sinh
- ### **3. Thực tập sư phạm**

MÃ HỌC PHẦN: TT1

Tên học phần: Thực tập sư phạm 1

(bắt buộc, 02 TC, 100% thời lượng dành cho thực tập)

Học phần đã học: Khối kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành

Yêu cầu cần đạt:

Sau khi hoàn thành thực tập sư phạm đợt 1, người học hình thành tình cảm nghề nghiệp, đạo đức, tác phong và năng lực hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục học sinh phổ thông; đáp ứng được hầu hết các mục tiêu cụ thể của Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

Nội dung cơ bản:

1. Thực tập ở cơ sở giáo dục ở trường TH/THCS/THPT

1.1. Thực tập giáo dục ở trường TH/THCS/THPT

- Tìm hiểu thực tiễn giáo dục ở trường thực tập; các công việc, hồ sơ, sổ sách mà giáo viên phổ thông cần thực hiện.

- Khai thác hồ sơ học sinh, tìm hiểu đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm; xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp hằng tuần và cả đợt.

- Tham gia quản lý nề nếp học tập của lớp chủ nhiệm; viết báo cáo tình hình lớp chủ nhiệm hằng tuần.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức 02 giờ sinh hoạt lớp.

- Phối hợp với giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

1.2. Thực tập dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông (người học đã lựa chọn theo môn học nào thì thực tập dạy học môn học đó).

- Tìm hiểu về kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ, nhóm chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hằng tuần và cả đợt.

- Quan sát và nhận xét 7 - 10 giờ dạy học mẫu; soạn giáo án và thực hành dạy học các trích đoạn nhỏ, khuyến khích học viên dạy 01 tiết đến 02 tiết.

2. Thực tập ở trung tâm ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số (gọi chung là Trung tâm)

2.1. Thực tập giáo dục tại Trung tâm

- Tìm hiểu thực tiễn giáo dục ở cơ sở; các công việc, hồ sơ, sổ sách mà giáo viên cần thực hiện.

- Khai thác hồ sơ học sinh, tìm hiểu đặc điểm học sinh lớp phụ trách; xây dựng kế hoạch quản lý lớp hằng tuần và cả đợt.

- Tham gia quản lý nề nếp học tập của lớp phụ trách; viết báo cáo tình hình lớp phụ trách hằng tuần.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức 01 buổi tổng kết tình hình học tập.

2.2. Thực tập dạy học tại Trung tâm.

- Tìm hiểu về kế hoạch giảng dạy của cơ sở.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ, nhóm chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hằng tuần và cả đợt.

- Quan sát và nhận xét 5 - 10 giờ dạy học mẫu; soạn giáo án và thực hành dạy học các trích đoạn nhỏ, khuyến khích học viên dạy 01 tiết.

MÃ HỌC PHẦN: TT2

Tên học phần: Thực tập sư phạm 2

(bắt buộc, 03 TC, 100% thời lượng dành cho thực tập)

Học phần đã học: Thực tập sư phạm 1

Yêu cầu cần đạt:

Sau khi hoàn thành thực tập sư phạm đợt 2, người học phát triển tình cảm nghề nghiệp, đạo đức, tác phong và năng lực hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục học sinh phổ thông; đáp ứng được đầy đủ các mục tiêu cụ thể của Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Trên cơ sở đó, giúp người học tự đánh giá và cơ sở giáo dục đánh giá năng lực hoạt động nghề nghiệp của người học trước khi cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho người học.

Nội dung cơ bản:

1. Thực tập ở cơ sở giáo dục trường TH/THCS/THPT

1.1. Thực tập giáo dục ở trường TH/THCS/THPT

- Tham gia các hoạt động của cộng đồng giáo viên, Đoàn thanh niên và các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp hằng tuần và cả đợt.

- Quản lý nề nếp học tập; viết báo cáo tình hình lớp chủ nhiệm hằng tuần.

- Khuyến khích, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục trong nhà trường và các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức 01 giờ sinh hoạt lớp và 01 hoạt động trải nghiệm hoặc hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

- Các nhiệm vụ thực tập giáo dục tự chọn: tham gia tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lý học đường; tham gia giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi; tham gia thúc đẩy phong trào, hoạt động Đoàn/Đội của lớp chủ nhiệm; hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ học sinh.

1.2. Thực tập dạy học ở trường TH/THCS/THPT

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hằng tuần và cả đợt.

- Quan sát và nhận xét 04 giờ dạy học mẫu; soạn giáo án và thực hiện ít nhất 05 giờ dạy.

- Các nhiệm vụ thực tập giáo dục tự chọn: phụ đạo học sinh có học lực trung bình; chế tạo đồ dùng dạy học tự làm; tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục STEM; tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học - kỹ thuật.

2. Thực tập ở Trung tâm

2.1. Thực tập giáo dục tại Trung tâm

- Tham gia các hoạt động của cộng đồng giáo viên, các hoạt động tập thể và cộng đồng gắn với giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch công tác quản lý lớp hằng tuần và cả đợt.

- Quản lý nề nếp học tập; viết báo cáo tình hình lớp phụ trách hằng tuần.

- Khuyến khích, hỗ trợ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục tại cơ sở và các hoạt động cộng đồng gắn với giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức 01 buổi tổng kết tình hình học tập và 01 hoạt động trải nghiệm hoặc hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

- Các nhiệm vụ thực tập giáo dục tự chọn: tham gia tư vấn, tham vấn, hỗ trợ phương pháp học tập; tham gia giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi; tham gia thúc đẩy phong trào, hoạt động chung của lớp phụ trách; hỗ trợ hoạt động chung/ tập thể của cơ sở.

2. Thực tập dạy học tại Trung tâm

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn; tìm hiểu các công việc của tổ chuyên môn; xây dựng kế hoạch thực tập dạy học hằng tuần và cả đợt.

- Quan sát và nhận xét 04 giờ dạy học mẫu; soạn giáo án và thực hiện 05 giờ dạy.

- Các nhiệm vụ thực tập giáo dục tự chọn: hỗ trợ, tư vấn cho học sinh có học lực trung bình; chế tạo đồ dùng dạy học tự làm; tổ chức hoạt động giáo dục STEM.

IV. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Tuyển sinh

a) Căn cứ tuyển sinh

Cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng bám sát quy định tại Chương trình bồi dưỡng ban hành kèm theo Thông tư này để thông báo tuyển sinh.

b) Hướng dẫn người học đăng ký bồi dưỡng

Người học có thể đăng ký bồi dưỡng từng cấp học hoặc theo cả 3 cấp học theo nhu cầu nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định.

2. Biên soạn tài liệu bồi dưỡng

a) Trên cơ sở Chương trình bồi dưỡng quy định tại văn bản này, các cơ sở bồi dưỡng tổ chức biên soạn, thẩm định tài liệu bồi dưỡng theo quy định. Cơ sở bồi dưỡng tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm ở cấp học nào (TH/THCS/THPT) thì phải có tài liệu của cấp học đó.

b) Yêu cầu đối với tài liệu bồi dưỡng:

Trên cơ sở Chương trình bồi dưỡng quy định tại văn bản này, các cơ sở giáo dục thực hiện bồi dưỡng tổ chức xây dựng chương trình chi tiết cho các học phần bồi dưỡng, biên soạn, thẩm định tài liệu bồi dưỡng theo quy định. Tài liệu bồi dưỡng được biên soạn khoa học, đáp ứng với mục tiêu bồi dưỡng, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Tài liệu bồi dưỡng phải được biên soạn theo kết cấu mở để tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng và giảng viên/báo cáo viên thường xuyên bổ sung, cập

nhật và phát triển những nội dung mới trong các văn bản quy phạm pháp luật, tiến bộ khoa học và các quy định cụ thể của Bộ, ngành, địa phương cũng như kinh nghiệm thực tiễn vào nội dung bài giảng. Tài liệu được số hóa để giúp người học thuận lợi trong tiếp cận, học tập và tự bồi dưỡng.

3. Tổ chức đánh giá kết quả học phần và cấp chứng chỉ

a) Đánh giá kết quả học phần

Sau mỗi học phần, người học phải thực hiện một bài kiểm tra và được đánh giá bằng điểm số và theo thang điểm 10. Học viên thực hiện trên 80% số tiết trên lớp và hoàn thành các nhiệm vụ học tập thì được tham dự đánh giá học phần.

Đánh giá Đạt khi có điểm kiểm tra (theo thang điểm 10) từ 05 điểm trở lên. Đánh giá Không đạt khi có điểm kiểm tra (theo thang điểm 10) dưới 05 điểm. Trường hợp người học có bài kiểm tra đạt dưới 05 (năm) điểm học phần nào thì phải học lại học phần đó.

Cơ sở bồi dưỡng quy định hình thức kiểm tra với từng học phần. Nguyên tắc xác định hình thức, nội dung kiểm tra kết thúc từng học phần phải phù hợp với mục tiêu, nội dung cụ thể của học phần; lưu minh chứng phục vụ công tác đảm bảo chất lượng.

Các thông tin về cách đánh giá kết quả bồi dưỡng được cơ sở giáo dục quy định cụ thể trong tài liệu phổ biến chương trình, nội quy bồi dưỡng và gửi đến người học nghiên cứu, tìm hiểu vào đầu khóa học.

Hình thức tổ chức đánh giá các học phần thực tập sư phạm

Học phần	Hình thức đánh giá	Ghi chú
Thực tập sư phạm 1	$\text{Điểm TTSP 1} = (\text{Điểm thực tập giáo dục} \times 2 + \text{Điểm thực tập dạy học})/3$	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cơ sở thực tập đánh giá thông qua quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thực tập. - Lãnh đạo cơ sở thực tập ký và đóng dấu xác nhận kết quả thực tập.
Thực tập sư phạm 2	$\text{Điểm TTSP 2} = (\text{Điểm thực tập giáo dục} + \text{Điểm thực tập dạy học} \times 2)/3$	

b) Cấp chứng chỉ bồi dưỡng

Người học được cấp chứng chỉ NVSP khi tham gia học tập đầy đủ các học phần quy định trong chương trình bồi dưỡng, có tất các bài kiểm tra học phần đạt điểm từ 05 (năm) điểm trở lên.

Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên Tiểu học: được cấp cho người đã tham gia bồi dưỡng và hoàn thành chương trình bồi dưỡng đối với cấp tiểu học.

Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THCS: được cấp cho người đã tham gia bồi dưỡng và hoàn thành chương trình bồi dưỡng đối với cấp trung học cơ sở.

Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên THPT: được cấp cho người đã tham gia bồi dưỡng và hoàn thành chương trình bồi dưỡng đối với cấp trung học phổ thông.

Trường hợp người học cùng lúc tham gia bồi dưỡng và hoàn thành chương trình bồi dưỡng của 2 cấp học trở lên thì được cấp 1 chứng chỉ chung và ghi rõ gồm những cấp học nào.

Cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng thực hiện cấp chứng chỉ cho người học hoàn thành khóa học theo quy định. Việc cấp, quản lý chứng chỉ thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Yêu cầu đối với công tác tổ chức bồi dưỡng

a) Cơ sở giáo dục được bồi dưỡng khi có đủ các điều kiện sau đây:

Cơ sở giáo dục đã thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục;

Cơ sở giáo dục được mở ngành và đã đào tạo giáo viên môn học nào thì được thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có nguyện vọng trở thành giáo viên môn học đó; riêng đối với các môn ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số, cơ sở giáo dục có mã ngành đào tạo giáo viên ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số của ít nhất một ngôn ngữ thì được bồi dưỡng đối với các ngôn ngữ khác mà cơ sở đào tạo có mã ngành đào tạo; đối với các học phần Phương pháp dạy học và Xây dựng kế hoạch dạy học phải có chuyên gia ngôn ngữ học hoặc giáo viên đang trực tiếp giảng dạy ngoại ngữ đặc thù đó tham gia hướng dẫn;

Có tối thiểu 70% giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình bồi dưỡng là giảng viên đại học cơ hữu có chuyên ngành sư phạm hoặc có nghiệp vụ sư phạm, quản lý giáo dục;

Có phòng học và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập;

Có tài liệu và đồ dùng giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu của khóa bồi dưỡng.

b) Yêu cầu về phương pháp và hình thức bồi dưỡng

Về phương pháp bồi dưỡng: phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; giữa kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng hóa hình thức dạy học nhằm hỗ trợ người học tiếp thu được tối đa kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp cho việc học tập và công tác sau này.

Về hình thức tổ chức bồi dưỡng gồm: Bồi dưỡng trực tiếp; bồi dưỡng kết hợp giữa bồi dưỡng trực tiếp với bồi dưỡng trực tuyến.

Không bồi dưỡng trực tuyến đối với các học phần: Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn [môn học] TH/THCS/ THPT, Xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học

[môn học] TH/THCS/ THPT, Đánh giá học sinh TH/THCS/THPT, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cấp TH/THCS/ THPT, Thực tập sư phạm 1 và Thực tập sư phạm 2. Trường hợp tổ chức bồi dưỡng theo hình thức kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến thì cơ sở bồi dưỡng phải có hệ thống bồi dưỡng trực tuyến phù hợp đảm bảo công tác giám sát, đánh giá việc tổ chức bồi dưỡng.

c) Yêu cầu đối với giảng viên hoặc báo cáo viên tham gia bồi dưỡng

Giảng viên hoặc báo cáo viên tham gia bồi dưỡng chương trình này bao gồm:

Giảng viên trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học trở lên, có chuyên ngành phù hợp với học phần được giảng dạy, có kiến thức, kinh nghiệm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và nghiên cứu khoa học;

Những nhà quản lý, nhà khoa học có chức danh tương đương chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học trở lên, có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục phổ thông; nghề nhân các lĩnh vực liên quan;

Giảng viên hoặc báo cáo viên tham gia giảng dạy cần đầu tư nghiên cứu tài liệu, thường xuyên cập nhật văn bản mới, kiến thức mới, các bài tập tình huống điển hình trong thực tiễn để trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, sát với hoạt động giáo dục của giáo viên ở trường phổ thông.

d) Yêu cầu đối với người học

Nghiên cứu tài liệu trước khi tham gia học tập trên lớp, tham gia thảo luận, làm bài tập theo yêu cầu của giảng viên, thường xuyên trao đổi cùng giảng viên các tình huống thực tiễn để đưa ra những giải pháp, ứng xử phù hợp.

Vận dụng kiến thức, kỹ năng được bồi dưỡng vào công tác giáo dục, dạy học ở trường phổ thông.

Thực hiện đúng quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác của pháp luật.

Đối với trường hợp người học đang là sinh viên, để được tham gia các học phần Thực tập sư phạm (TT1, TT2), người học bắt buộc phải hoàn thành 100% chương trình đào tạo đại học hoặc có quyết định bảo lưu kết quả học tập.

đ) Yêu cầu đối với việc tổ chức cho người học thực tập sư phạm.

Nơi thực tập sư phạm là các cơ sở giáo dục phổ thông. Trường hợp môn học chưa được tổ chức giảng dạy tại cơ sở giáo dục phổ thông, việc thực tập được thực hiện tại các trung tâm có tổ chức giảng dạy môn học, ngôn ngữ tương ứng. Các trung tâm này phải được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Người học phải giảng dạy mô phỏng đạt yêu cầu trước Hội đồng chuyên môn tại cơ sở bồi dưỡng mới đủ điều kiện tham gia thực tập sư phạm.

Người học đi thực tập sư phạm thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, nội dung thực tập và các quy định của cơ sở thực tập; chấp hành các quy định của Ban chỉ đạo thực tập và giáo viên hướng dẫn; giữ mối quan hệ tốt với học sinh, cán bộ, giáo viên và các tổ chức, cá nhân tại địa phương; có hành vi ứng xử chuẩn mực theo quy định về đạo đức nhà giáo.

Đối với người học đang đi làm, thời gian thực tập có thể được điều chỉnh theo hướng giảm số tiết thực tập trong tuần và kéo dài thời gian thực tập. Cơ sở bồi dưỡng phối hợp với cơ sở thực tập bố trí kế hoạch thực tập linh hoạt, nhưng phải bảo đảm đủ tổng thời gian thực tập theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện

a) Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, tổng kết, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trên phạm vi toàn quốc.

b) Trách nhiệm của cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng

Các cơ sở giáo dục lần đầu tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo Thông tư này phải gửi báo cáo kèm theo minh chứng đủ các điều kiện bồi dưỡng theo quy định tại điểm a, Mục V.4 (hồ sơ điện tử) trước khi tổ chức bồi dưỡng 30 ngày (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục).

Đối với sinh viên đã hoàn thành tối thiểu 70% số tín chỉ chương trình đại học, cơ sở bồi dưỡng cần bố trí thời gian học lý thuyết linh hoạt để đảm bảo chất lượng.

Xác định các ngành đào tạo hoặc chương trình đào tạo thuộc ngành phù hợp, khối lượng kiến thức chuyên ngành cần học bổ sung (nếu có) để đảm bảo người học có đủ kiến thức chuyên môn sau khi được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm có thể giảng dạy 01 (một) môn học ở cơ sở giáo dục phổ thông.

Thành lập hội đồng công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các học phần người học đã học để xem xét miễn trừ các học phần tương ứng trong Chương trình bồi dưỡng ban hành kèm theo Thông tư này khi người học có nhu cầu.

Quản lý quá trình học tập của người học. Thu, quản lý và sử dụng kinh phí bồi dưỡng và các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật.

Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo để tổ chức bồi dưỡng theo quy định tại Thông tư này.

Tổ chức bồi dưỡng, cấp chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả bồi dưỡng do đơn vị thực hiện; hướng dẫn người học lựa chọn các học phần phù hợp với chuyên môn và nguyện vọng của người học.

Chủ trì, phối hợp với cơ sở giáo dục phổ thông xác minh chứng chỉ khi được yêu cầu.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng đột xuất theo yêu cầu và báo cáo thường kỳ (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) trước 30 tháng 12 hằng năm.

Lưu trữ hồ sơ bồi dưỡng theo quy định (có thể lưu giữ bản cứng hồ sơ hoặc số hóa hồ sơ). Hồ sơ lưu trữ gồm: Các quyết định liên quan đến việc mở lớp bồi dưỡng, đủ điều kiện thi và cấp chứng chỉ; việc biên soạn tài liệu; việc tổ chức giảng dạy; hồ sơ của người học, giảng viên; việc quản lý quá trình học tập; kiểm tra, đánh giá; thực tập sư phạm; cấp chứng chỉ và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.